

Bản án số 07/2020/KDTM-PT

Ngày 07/5/2020

Về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào, bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tại trụ sở tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 02/2019/TLPT-KDTM ngày 03/12/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 489/2020/QĐ-PT ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ trụ sở: 108 đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo Văn bản ủy quyền số 216/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 18/3/2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần C là ông Nguyễn Nguyên N (Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh KCN PT, tỉnh Bình Định; địa chỉ: 218 đường L, phường T1, thành phố Q, tỉnh Bình Định), ông Ngọc có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: Quốc lộ 19, khu vực N1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật là ông Lê Phước S (Giám đốc Công ty; trú tại thôn V, xã C, huyện P1, tỉnh Bình Định), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1; địa chỉ: 218 đường N2, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H1 là Luật sư Chu Bá T2 (thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Luật sư T2 có mặt.

3.2. Ông Lê Phước S; địa chỉ thôn V, xã C, huyện P1, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3.3. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định; địa chỉ trụ sở: 21 đường N3, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2018 của

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định là bà Nguyễn Lê Kim A1 (Phó trưởng phòng Phòng nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự) vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Ngọc H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Công ty TNHH P (sau đây viết tắt là Công ty P) vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh khu công nghiệp PT (sau đây viết tắt là Ngân hàng C - PT), theo 02 hợp đồng tín dụng: (1) Hợp đồng tín dụng số 03/2011/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 hạn mức 30.000.000.000 đồng, đã giải ngân 2.698.500.000 đồng, lãi suất 12%/năm, trả lãi hàng tháng và thời hạn cho vay 12 tháng. Dư nợ đến ngày 07/5/2012 còn nợ (gốc) 1.873.500.000 đồng và lãi 577.754.177 đồng; (2) Hợp đồng tín dụng số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 hạn mức 30.000.000.000 đồng, đã giải ngân 27.250.000.000 đồng, lãi suất 18%/năm, trả lãi hàng tháng và thời hạn cho vay 12 tháng. Dư nợ tính đến ngày 07/5/2012 còn nợ (gốc) 27.250.000.000 đồng và tiền lãi 5.115.411.112 đồng.

Biên pháp bảo đảm:

a/ Công ty TNHH P thế chấp tại Ngân hàng C - PT các tài sản bảo đảm sau:

(1). Theo *Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất* số 74/2010/HĐTC ngày 17/6/2010 thì tài sản thế chấp là các công trình nhà xưởng chế biến gỗ gắn liền thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 12 theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số T00127 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp ngày 13/4/2004 cho Công ty P, phạm vi bảo đảm 14.000.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp này được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

(2). Theo *Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất* số 114/2010/HĐTC ngày 17/8/2010 thì tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền quyền sử dụng thửa đất của Công ty P được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số Y668918 (sổ vào sổ cấp GCN T00118) ngày 13/4/2004, phạm vi bảo đảm 2.100.000.000 đồng; hợp đồng thế chấp này không được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

(3). Theo *Hợp đồng thế chấp tài sản* số 75/2010/HĐTC ngày 17/6/2010 thì tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 77H-0135 có *Giấy đăng ký xe ô tô* số A0013489 ngày 06/01/2004; xe tải nhãn hiệu ASIA, biển kiểm soát 77H-8029 có *Giấy đăng ký xe ô tô* số 002972 ngày 13/12/2007 và xe đầu kéo nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát 77H-5007 có *Giấy đăng ký xe ô tô* số A0010022 ngày 24/10/2001 của Công an tỉnh Bình Định cấp cho Công ty P, phạm vi bảo đảm 500.000.000 đồng; hợp đồng thế chấp này được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

(4). Theo *Hợp đồng thế chấp tài sản* số 76/2010/HĐTC ngày 17/6/2010 thì tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, biển kiểm soát 77H-7777 có *Giấy đăng ký xe ô tô* số 007585 do Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 22/5/2008 cho Công ty P, phạm vi bảo đảm 800.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp này được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

(5). Theo *Hợp đồng thế chấp tài sản* số 112/2010/HĐTC ngày 27/8/2010 thì tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô khách nhãn hiệu FORD, biển kiểm soát 77L-3376 có Giấy đăng ký xe ô tô số 001817 ngày 06/01/2004; xe tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 77L-3386 có Giấy đăng ký xe ô tô số 002972 ngày 04/8/2010; xe tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 77L-3302 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001819 ngày 04/8/2010 và xe tải nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 77L-3311 có Giấy đăng ký xe ô tô số 001813 ngày 04/8/2010 của Công an tỉnh Bình Định cấp cho Công ty P, phạm vi bảo đảm 500.000.000 đồng; hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

(6). Theo *Hợp đồng thế chấp hàng hóa* số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010 thì tài sản thế chấp là Gỗ nguyên liệu có giá trị định giá 1.870.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm 935.000.000 đồng; hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm.

(7). Theo *Hợp đồng thế chấp hàng hóa* số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010 thì tài sản thế chấp là Gỗ nguyên liệu có giá trị định giá 3.760.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm 2.000.000.000 đồng, hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

(8). Theo *Hợp đồng thế chấp hàng hóa* số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011 thì tài sản thế chấp là Gỗ nguyên liệu có giá trị định giá 2.160.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm 500.000.000 đồng, hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

b/ Ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 thế chấp tài sản của hộ gia đình để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ của Công ty P, cụ thể:

(9). Theo *Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản để vay vốn Ngân hàng* số 05040010/HĐTC ngày 20/01/2005 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Định ngày 25/01/2005 nhưng không đăng ký giao dịch bảo đảm thì tài sản thế chấp là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 218 N2, thành phố Q, tỉnh Bình Định có *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số R240822 ngày 14/8/2000 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu L2, bà Trương Thị H2 (ông Lê Phước S, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 nhận chuyển nhượng từ ông L2, bà H2), phạm vi bảo đảm 1.800.000.000 đồng, thời hạn bảo đảm 36 tháng từ ngày 20/01/2005 đến ngày 20/01/2008.

(10). Theo *Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất* số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 thì tài sản thế chấp là nhà đất tọa lạc tại tổ 5, khu vực 12, phường N2, thành phố Q, tỉnh Bình Định trên thửa đất được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AB 505189 (số vào sổ cấp GCN H00268) ngày 19/12/2005 cho ông Đinh D và bà Văn Thị Nh, Hợp đồng thế chấp không được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, phạm vi bảo đảm 500.000.000 đồng.

Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng nên ngày 15/8/2011 Ngân hàng C khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định yêu cầu Tòa án buộc Công ty P thanh toán nợ tính đến ngày 07/5/2012 là 34.816.665.289 đồng, trong đó nợ gốc 29.123.500.000 đồng và lãi 5.693.165.289 đồng; trường hợp Công ty P không trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên bố Ngân hàng C được quyền xử lý tài sản bảo đảm do Công ty TNHH P thế chấp, vợ chồng ông S và bà H1 thế chấp bảo lãnh để thu hồi nợ.

- Bị đơn là Công ty TNHH P do ông Lê Phước S (giám đốc Công ty P đại diện, ông S cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) trình bày: Thừa nhận tổng số nợ tính đến ngày 07/5/2012 như Ngân hàng C trình bày nhưng đề nghị được gia hạn thời gian trả nợ, nếu hết hạn giãn nợ mà Công ty P không trả được nợ thì đồng ý để Ngân hàng C phát mại tài sản thế chấp thu hồi nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc H1 (vợ ông Lê Phước S) mặc dù được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc, cũng như không gửi ý kiến đến Tòa án.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C đòi Công ty TNHH P phải trả khoản tiền vay gốc và lãi chưa thanh toán.

2. Buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 34.816.665.289 đồng (trong đó tiền gốc 29.123.500.000 đồng, lãi 5.693.165.289 đồng) và tiếp tục trả số nợ lãi quá hạn trên số dư nợ gốc, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

3. Nếu Công ty TNHH P không trả hết khoản nợ trên thì vợ chồng ông Lê Phước S, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ trả thay cho Công ty TNHH P trong phạm vi bảo lãnh số nợ gốc 1.760.000.000 đồng và lãi phát sinh như đã cam kết trong 02 hợp đồng tín dụng trên (thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản để vay vốn ngân hàng số 05040010/HĐTC ngày 20/01/2005 và Điều 2 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010).

4. Nếu Công ty TNHH P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và vợ chồng ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì toàn bộ tài sản đã thế chấp và thế chấp bảo lãnh sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật trả nợ cho ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 114/2010/HĐTC ngày 27/8/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 74/2010/HĐTC ngày 17/6/2010 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 74/BS/HĐTC ngày 27/9/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 76/2010/HĐTC ngày 17/6/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 75/2010/HĐTC ngày 17/6/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 112/2010/HĐTC ngày 27/8/2010.

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010.

- Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010.

- Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011.

- Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản để vay vốn ngân hàng số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010.

Trường hợp Công ty TNHH P và vợ chồng ông S, bà H1 hoàn thành việc trả nợ trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh KCN PT có trách

nhiệm hoàn trả các giấy tờ đã giữ (được xác định trong các hợp đồng thế chấp và bảo lãnh nêu trên) cho bên thế chấp và bên bảo lãnh...

Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

*Kết quả thi hành bản án này (theo **Báo cáo** số 609/TB-CTHADS ngày 26/5/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định và **Văn bản** trình bày ngày 26/7/2016 của ông Nguyễn Văn Chánh là Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định và **Biên bản hòa giải** ngày 15/8/2016 do TAND tỉnh Bình Định tổ chức tại các bút lục 512, 515, 561) như sau:*

- Các tài sản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định phối hợp với chính quyền địa phương cưỡng chế, kê biên xử lý của Công ty TNHH P gồm: (1). Nhà xưởng số 1, 2, 3, 4, 5, 6; kho nguyên liệu; xưởng cưa; nhà ăn + căng tin; nhà bảo vệ; nhà tập thể; tường rào cổng ngõ; lò sấy; xưởng luộc gỗ; nhà làm việc; nhà để xe xây dựng trên thửa đất số 1038, tờ bản đồ 12, Quốc lộ 19, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 493814 (số vào sổ T00127) do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 12/10/2004. Ngày 08/7/2014 bán đấu giá được 11.536.500.000 đồng cho Công ty cổ phần nông sản thực phẩm Đ, bàn giao tài sản bán đấu giá ngày 22/9/2014; (2). Đối với Khu chăn nuôi tập trung tại thôn TTB, xã Nh1, thị xã A, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y668918 (số vào sổ T00118) do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 13/4/2004. Sau khi Cục Thi hành án kê biên, Ngân hàng C - PT và Công ty P tự thỏa thuận bán được 2.100.000.000 đồng.

- Các tài sản Ngân hàng C - PT và Công ty P tự thỏa thuận xử lý gồm: (3). Xe ô tô các loại (kèm văn bản của Ngân hàng C - PT)

- Các tài sản chưa kê biên xử lý, gồm: (4). Nhà ở và đất ở tại 218 N2, thành phố Q của ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H1; (5). Nhà và đất ở tại Tổ 5, khu vực 12, phường N2, thành phố Q; (6). Số lượng gỗ nguyên liệu theo các Hợp đồng thế chấp số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010 và số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011.

- Về án phí: Đã hoàn trả Ngân hàng C - PT số tiền tạm ứng án phí 69.500.000 đồng theo biên lai thu số 004532 ngày 11/10/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Sau đó, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 gửi nhiều đơn đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Tại Quyết định số 20/KDTM-KN ngày 06/4/2015, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; đề nghị Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao (sau là Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng) xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm nêu trên để xét xử sơ thẩm lại sơ thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2015/GDT-KDTM ngày 11/12/2015, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết sơ thẩm lại với nhận định (tóm tắt):

(1). Về tố tụng: Các văn bản tố tụng không được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1 mà tổng đạt thông qua ông Lê Phước S

(chồng bà H1 nhận thay). Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tài liệu bà H1 gửi kèm theo đơn đề nghị giám đốc thẩm thì giữa bà H1 và ông S có mâu thuẫn trầm trọng, tại phiên tòa sơ thẩm, ông S cũng đã thông báo cho Hội đồng xét xử biết vợ chồng ông có mâu thuẫn. Vì vậy, chưa có căn cứ xác định bà H1 đã nhận được các văn bản tố tụng, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà H1 với lý do đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ ba là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1.

(2). Công ty P vay vốn tại Ngân hàng C – PT theo các Hợp đồng tín dụng số 03/2011/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 (vay 2.698.500.000 đồng) và số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 (vay 27.250.000.000 đồng). Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án buộc Công ty P thanh toán nợ cho Ngân hàng C số tiền 34.816.665.289 đồng (trong đó nợ gốc 29.123.500.000 đồng và tiền lãi 5.693.165.289 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 07/5/2012) là có căn cứ, đúng pháp luật.

(3). Về phần xử lý tài sản thế chấp:

(3.1). Công ty TNHH P thế chấp cho Ngân hàng nhiều tài sản, trong đó có quyền sử dụng 150.000 m² đất thuê tại xã Nh1, huyện An Nhơn (nay là thị xã A), tỉnh Bình Định theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 114/2010/HĐTC ngày 27/8/2010. Tuy nhiên, hợp đồng thế chấp này không được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 130 Luật đất đai năm 2003 về trình tự thủ tục đăng ký, thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và xử lý quyền sử dụng đất đã thế chấp, đã bảo lãnh để thu hồi nợ; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm thì việc thế chấp quyền sử dụng đất phải đăng ký giao dịch bảo đảm.

(3.2). Vợ chồng ông Lê Phước S, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm: (i). Nhà và đất tại số 218 N2, phường N2, thành phố Q, tỉnh Bình Định (do ông S, bà H1 nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Hữu L2 và bà Trương Thị H2) theo Hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005. Hợp đồng này được công chứng ngày 25/01/2005 nhưng chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm và chỉ bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty P tại Ngân hàng với số tiền nợ gốc 1.260.000.000 đồng và thời hạn bảo lãnh là 03 năm (kể từ ngày 20/01/2005 đến ngày 20/01/2008). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc chuyển quyền sở hữu từ ông L2, bà H2 sang ông S, bà H1 và tại sao Hợp đồng bảo lãnh này đã hết thời hiệu bảo lãnh từ 20/01/2008 nhưng đến ngày 01/7/2010 và ngày 03/01/2011, Ngân hàng C - PT và Công ty P vẫn đưa tài sản này bảo đảm cho các khoản vay mới, trong khi bà H1 không được tham gia tố tụng và cho rằng ông S đã ký giả chữ ký của bà trong Hợp đồng bảo lãnh nêu trên; (ii). Nhà và đất tại tổ 5, khu vực 12, phường N2, thành phố Q, tỉnh Bình Định do ông Đinh D và bà Văn Thị Nhàn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã lập hợp đồng tặng cho chị Đinh Thị Thu Hà. Hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông S, bà H1 nhưng ông S, bà H1 lại dùng nhà, đất nêu trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay 500.000.000 đồng của Công ty P tại Ngân hàng C theo

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 là không hợp pháp. Mặt khác, Hợp đồng này không được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ mà không xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng thế chấp tài sản là chưa đủ căn cứ, không đúng pháp luật.

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thu lý lại vụ án ngày 04/4/2016, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2016:

+ Ngân hàng C trình bày sau khi bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có hiệu lực pháp luật thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã tổ chức thi hành án với kết quả cụ thể như sau: (1). Thuê công ty TNHH Đầu giá tài sản Đông Dương tổ chức bán đấu giá thành toàn bộ công trình, nhà xưởng chế biến gỗ gắn liền thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00127 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 10/10/2004, giá bán 11.536.500.000đồng. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã chuyển cho Ngân hàng C 10.500.000.000đ, số tiền còn lại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định chưa quyết toán; (2). Khách hàng thu hồi công nợ tiền hàng trả Ngân hàng C số tiền là 255.369.774 đồng; (3). Đối với số gỗ nguyên liệu thì theo biên bản giải quyết thi hành án ngày 24/8/2012 ông S cam kết tự bán để trả Ngân hàng C nhưng ông S không thực hiện. Như vậy, tính đến nay (ngày 29/9/2016) thì Ngân hàng C đã thu hồi được nợ gốc 14.740.369.774 đồng, Công ty P còn nợ Ngân hàng C 39.063.900.761 đồng (trong đó nợ gốc là 14.383.130.226 đồng, nợ lãi 24.680.770.535 đồng) nên Ngân hàng C yêu cầu Công ty P trả số nợ trên, nếu không trả thì yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp {nhà đất tại 218 N2, thành phố Q thuộc quyền sở hữu của ông S, bà H1 theo hợp đồng bảo lãnh để vay vốn ngân hàng số 05040010/HĐTC ngày 20/01/2005; nhà đất tại tổ 5, KV 12, phường N2, thành phố Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H00268, số phát hành AB505189 do UBND thành phố Q cấp ngày 19/12/2005 cho ông S, bà H1 theo hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010; Gỗ nguyên liệu của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010; số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010; số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011} để thu hồi nợ.

+ Công ty P do ông S đại diện thống nhất trình bày của Ngân hàng C về số nợ và kết quả đã thi hành án; đối với số nợ còn lại tính đến nay và số tài sản thế chấp chưa xử lý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông S thì vợ chồng thành lập Công ty TNHH P và mua nhiều tài sản chung như nhà đất tại 218 N2, thành phố Q, nhà đất tại tổ 5, KV2, phường N2, thành phố Q, công trình nhà xưởng chế biến gỗ, các xe ô tô và quyền sử dụng đất đứng tên Công ty TNHH P tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y668918. Năm 2010 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông S bỏ đi nên bà H1 không biết gì về tình hình kinh doanh của Công ty P. Ngày 10/3/2013, bà H1 nhận được Bản án số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì mới biết ông S vay vốn tại Ngân hàng C và đã thế chấp các tài sản chung của vợ chồng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Việc ông S vay vốn và ký các hợp đồng

thế chấp tài sản do vợ chồng tạo lập bà H1 không biết và cũng không ký tên vào các hợp đồng thế chấp này nên yêu cầu Tòa án hủy tất cả các hợp đồng thế chấp mà ông S đã ký với Ngân hàng C và trả lại các tài sản cho bà H1.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định trình bày Cục đã có báo cáo kết quả thi hành Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 08/2016/KDTM-ST ngày 29/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định: (i). Buộc Công ty P trả Ngân hàng C 39.063.900.761 đồng (trong đó nợ gốc 14.383.130.226 đồng, nợ lãi 24.680.770.535 đồng) tạm tính đến ngày 29/9/2016 và còn tiếp tục trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong; (ii). Công nhận các Hợp đồng thế chấp số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010; Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011; Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010 là hợp pháp; (iii). Tuyên bố hợp đồng bảo lãnh và thế chấp tài sản số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 ký giữa bà H1, ông S với Ngân hàng C hết hiệu lực ngày 20/01/2008 nên không phát sinh nghĩa vụ bảo đảm; (iv). Tuyên bố hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 xác lập giữa vợ chồng bà H1, ông S với Ngân hàng C vô hiệu ngay từ thời điểm ký kết; (v). Buộc Ngân hàng C trả lại toàn bộ giấy tờ đã nhận (bản chính) liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 cho vợ chồng ông S, bà H1 (vi). Đình chỉ xét xử phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nguyên liệu gỗ theo các hợp đồng thế chấp số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, hợp đồng thế chấp số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010 và hợp đồng thế chấp số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011 do Viettinbbank tự nguyện rút yêu cầu tại phiên tòa.

- Ngày 10/10/2016 Ngân hàng C kháng cáo không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ngân hàng C trả lại toàn bộ giấy tờ đã nhận (bản chính) liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 cho vợ chồng ông S, bà H1. Ông S, bà H1 thế chấp tài sản theo nội dung 2 Hợp đồng thế chấp này để bảo đảm nghĩa vụ trả số nợ gốc 1.760.000.000 đồng và lãi phát sinh nên Ngân hàng C chỉ trả lại giấy tờ cho ông S, bà H1 khi ông S, bà H1 trả đủ số tiền này.

- Ngày 08/10/2016 bà H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 01/3/2017 bà H1 bổ sung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, tuyên bố hợp đồng tín dụng số 03 và 542 là không hợp pháp; tuyên bố 10 hợp đồng thế chấp đều vô hiệu; buộc Ngân hàng C trả lại bà H1 số tiền đã thu được từ việc bán tài sản thế chấp.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 15/2017/KDTM-PT ngày 26/4/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2016/KDTM-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại với nhận định “Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: 3. Khi xét xử lại

vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án”... Trong vụ án này, tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành là các tài sản thế chấp của Công ty P đã được xử lý để thi hành nghĩa vụ trả nợ vay Ngân hàng. Khi xét xử sơ thẩm lại, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án hủy tất cả các hợp đồng thế chấp mà Công ty P đã ký kết với Ngân hàng và yêu cầu trả lại phần tài sản của bà (bl 559, 580, 690). Yêu cầu của bà H1 liên quan đến số tài sản thế chấp đã xử lý và số tiền Ngân hàng đã thu nợ là 14.740.369.774 đồng. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có thể xem là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo qui định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án sơ thẩm không tiến hành các thủ tục thụ lý và giải quyết yêu cầu này của bà H1 theo Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 266 (3) Bộ luật tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1. Tòa án sơ thẩm nhận định tại bản án (trang 8): “Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự thống nhất không có tranh chấp những tài sản đã tự nguyện xử lý theo thỏa thuận và chuyển tiền cho Ngân hàng khấu trừ nợ vay, kể cả số tiền Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã tổ chức bán đấu giá thành...” là không phù hợp với trình bày của bà H1 tại phiên tòa, bà đề nghị hủy các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp trả lại tài sản cho bà (bl 690). Về các hợp đồng thế chấp, Tòa án sơ thẩm chỉ mới xem xét tính hợp pháp của hai hợp đồng bảo lãnh, thế chấp đối với nhà đất tại số 218 N2, thành phố Quy Nhơn và nhà đất tại tổ 5, KV 12, Phường N2, thành phố Q; đối với ba hợp đồng thế chấp nguyên liệu gỗ, khi nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa, Tòa án sơ thẩm vừa tuyên công nhận là hợp pháp vừa tuyên đình chỉ xét xử yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng này là mâu thuẫn. Tòa án sơ thẩm nhận định không chấp nhận tài sản của Công ty TNHH P là tài sản chung của vợ chồng bà H1, ông S nhưng do không thụ lý yêu cầu độc lập của bà H1 nên Tòa án sơ thẩm chưa xem xét đánh giá tính hợp pháp của các hợp đồng thế chấp còn lại và cũng chưa xem xét giải quyết vấn đề bà H1 yêu cầu trả lại một nửa giá trị tài sản thế chấp đã xử lý”.

- Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý lại vụ án, Ngân hàng C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng bà H1 không đồng ý nên Tòa án cấp sơ thẩm thay đổi địa vị tố tụng, xác định bà H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 30/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ Điều 227, Điều 147, khoản 4 Điều 217, khoản 2 Điều 245 khoản 3 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 93 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 8 Luật Doanh nghiệp 2005 và khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2014. Căn cứ tiểu mục 6 mục II Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về Hình sự, Dân sự và Tố tụng Hành chính của Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ Điều 18 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009; các Điều 18, 25, 26, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc H1 yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần C phải hoàn trả lại cho bà H1 7.370.184.887 đồng.

3. Tách yêu cầu Tòa án tuyên bố hai hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 và số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 và các hợp đồng thế chấp tài sản số 114/2010/HĐTC ngày 17/8/2010, số 74/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, số 76/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, số 75/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, số 112/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010, số 219/2010/HĐTC ngày 05/11/2010, số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011 và yêu cầu ngân hàng phải trả lại giấy tờ liên quan đến nhà, đất đã thế chấp là ngôi nhà số 218 đường N2, Thành phố Q và nhà đất tọa lạc tại tổ 5, khu vực 12, phường N2, Thành phố Q, tỉnh Bình Định để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C 69.500.000đ (sáu mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07826 ngày 01 tháng 4 năm 2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu 122.740,369 đồng, nhưng được khấu trừ vào 57.685.092 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003579 ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 còn phải nộp 65.055.277 đồng (sáu mươi lăm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

- Bà H1 kháng cáo (đơn kháng cáo đề ngày 02/10/2019, 12/10/2019) cho rằng Ngân hàng C rút yêu cầu khởi kiện, trong khi bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý và có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết 4 yêu cầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C và tách cả 4 yêu cầu độc lập của bà để giải quyết bằng vụ án khác là vừa mâu thuẫn vừa không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn (Ngân hàng C) đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư Thực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H1 cho rằng bà H1 đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí theo Thông báo của Tòa án nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà H1 về việc yêu cầu Ngân hàng C trả hơn 7 tỷ đồng, còn những yêu cầu khác cho rằng bà H1 chưa khởi kiện, chưa nộp tạm ứng án phí để tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi bà H1 có yêu cầu là không đúng. Vì vụ án đã trải qua nhiều vòng tố tụng và như nhận định tại Quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên tại phiên tòa hôm nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử tuyên 02 hợp đồng thế chấp 2 khối nhà đất là tài sản chung của vợ chồng ông S, bà H1 vô hiệu để buộc Ngân hàng C trả lại giấy tờ sở hữu 02 khối nhà đất này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:
- + Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- + Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự, luật sư trình bày và nêu yêu cầu; sau khi xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 15/8/2011 Ngân hàng C (nguyên đơn) khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH P yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ vay theo 02 Hợp đồng tín dụng, trường hợp Công ty P không trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng C được quyền xử lý tài sản do Công ty P và vợ chồng ông Lê Phước S bà Nguyễn Thị Ngọc H1 thế chấp để thu hồi nợ. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Theo *Báo cáo* số 609/TB-CTHADS ngày 26/5/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định và *Văn bản* trình bày ngày 26/7/2016 của ông Nguyễn Văn Chánh (Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định) và *Biên bản hòa giải* do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định lập ngày 15/8/2016 (bút lục 512, 515, 561) thì phần lớn tài sản thế chấp đã được xử lý thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng C còn một số tài sản thế chấp vẫn do Ngân hàng C kiểm soát hoặc giữ giấy tờ nhà đất (bản gốc) và thực tế hiện nay Công ty P không còn khả năng tiếp tục trả nợ.

[2] Bản án sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2015/GDT-KDTM ngày 11/12/2015, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án sơ thẩm số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết sơ thẩm lại. Bản án sơ thẩm số 08/2016/KDTM-ST ngày 29/9/2016 (bút lục 709) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định (tóm tắt): (i) Buộc Công ty P trả tiền vay Ngân hàng C theo 02 Hợp đồng tín dụng; (ii) tuyên bố *Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản để vay vốn Ngân hàng số 05040010/HĐTC* ngày 20/01/2005 và *Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 219/HĐTC* ngày 05/11/2010 mà vợ chồng ông S, bà H1 ký về việc thế chấp nhà đất tại 218 N2, thành phố Q và nhà đất tại tổ 5, khu vực 12, phường N2, thành phố Q để bảo lãnh trả các khoản Công ty P vay Ngân hàng C vô hiệu nên buộc Ngân hàng C trả lại giấy tờ sở hữu 02 khối nhà đất này cho vợ chồng ông S, bà H1; (iii) Vừa tuyên công nhận tính hợp pháp của 03 Hợp đồng thế chấp gỗ nguyên liệu vừa tuyên đình chỉ xét xử đối với 03 Hợp đồng này do Viettinbbank rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa; (iv) Đối với tài sản thế chấp tại

05 Hợp đồng thế chấp còn lại thì Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các đương sự không tranh chấp, tài sản đã được xử lý thi hành án nên không giải quyết. Bản án phúc thẩm số 15/2017/KDTM-PT ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại với nhận định (tóm tắt): (i) Theo quy định tại Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự thì khi xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có). Trong vụ án này một số tài sản thế chấp đã xử lý thi hành và bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy tất cả các hợp đồng thế chấp và giải quyết số tiền 14.740.369.774 đồng Ngân hàng C đã thu nợ; (ii) Tòa án cấp sơ thẩm chỉ mới xem xét tính hợp pháp của 02 Hợp đồng thế chấp để bảo lãnh, 03 Hợp đồng thế chấp gốc nguyên liệu thì vừa tuyên công nhận hợp pháp vừa tuyên đình chỉ xét xử là mâu thuẫn và không đúng vì bà H1 vẫn đề nghị xem xét; các Hợp đồng thế chấp còn lại chưa đánh giá tính hợp pháp và chưa giải quyết yêu cầu của bà H1 yêu cầu trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản thế chấp đã xử lý.

[3] Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết sơ thẩm lại vụ án tại *Thông báo* số 13/2017/TB-TLVA ngày 23/5/2017 (bl 904). Tại *Thông báo* yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện số 29/2017/TB-TA ngày 19/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định yêu cầu bà H1 (người có yêu cầu độc lập trong vụ án) nêu rõ từng yêu cầu cụ thể trong đơn (bl 1044). Tại *Bản tự khai* ngày 04/8/2017 bà H1 đã nêu cụ thể các yêu cầu độc lập của mình gồm yêu cầu tuyên bố 02 Hợp đồng tín dụng và 10 Hợp đồng thế chấp vô hiệu và yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng C trả lại tiền đã thu được từ xử lý tài sản thế chấp (bl 1066-1070). Ngày 29/10/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ban hành *Quyết định đưa vụ án ra xét xử* số 73/2018/QĐXPT-KDTM (bl 1121). Tại phiên tòa sơ thẩm mở ngày 30/11/2018, Ngân hàng C có Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ban hành *Thông báo* số 83/2018/TB-TA ngày 30/11/2018 thông báo cho bà H1 trong thời hạn 07 ngày phải nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập số tiền 57.685.092 đồng, đồng thời tổng đạt ngay *Thông báo* số 83/2018/TB-TA cho bà H1 tại phiên tòa (bl 1178, 1179, 1181). Ngày 02/12/2018 và ngày 10/12/2018, bà H1 có Đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân phường N2 xin xác nhận hoàn cảnh gia đình của bà H1 hiện nay “*chồng tôi bỏ đi, tôi một mình nuôi 3 con nhỏ, gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống, do vậy, kính mong quý Tòa xem xét, giải quyết cho tôi được giảm $\frac{1}{2}$ tiền án phí theo thông báo của Quý Tòa...đồng thời sau khi xét xử bên nào thua kiện phải đóng tiền và trả lại số tiền đã tạm ứng lại cho tôi*” đơn được UBND phường N2 xác nhận (bl 1190, 1184) nhưng tại *Văn bản* số 84/2018/CV-TA ngày 05/12/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định trả lời không chấp nhận đề nghị miễn giảm án phí của bà H1 (bl 1191). Ngày 18/01/2018 bà H1 nộp tạm ứng án phí số tiền 57.685.092 đồng và ngày 18/12/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ban hành *Thông báo* số 13/TB-TLYCĐL về việc thụ lý yêu cầu độc lập của bà H1, nội dung ghi yêu cầu của bà H1 là “*yêu cầu Ngân hàng TMCP C phải trả lại 50% (7.370.184.887 đồng) trong tổng số tiền 14.740.369.774 đồng mà Ngân hàng đã thu được từ việc bán tài sản chung của bà H1 và ông S*” (bl 1200). Với diễn biến sự việc như trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: (i) sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý lại vụ án thì bà

H1 đã trình bày rõ yêu cầu độc lập của mình là yêu cầu tuyên bố 02 Hợp đồng tín dụng và 10 Hợp đồng thế chấp vô hiệu và yêu cầu buộc Ngân hàng C trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền đã thu được từ xử lý tài sản thế chấp nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2018 Ngân hàng C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; (ii) bà H1 dù hoàn cảnh gia đình khó khăn có đơn trình bày được chính quyền địa phương xác nhận nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định không chấp nhận Đơn yêu cầu miễn giảm án phí của bà H1 nên bà H1 cũng đã nộp tạm ứng án phí đủ số tiền 57.685.092 đồng như nội dung *Thông báo* số 83/2018/TB-TA ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định lại ban hành *Thông báo* số 13/TB-TLYCĐL ngày 18/12/2018 ghi thụ lý yêu cầu độc lập của bà H1 là bà H1 “*yêu cầu Ngân hàng TMCP C phải trả lại 50% (7.370.184.887 đồng) trong tổng số tiền 14.740.369.774 đồng mà Ngân hàng đã thu được từ việc bán tài sản chung của bà H1 và ông S*” là không đúng yêu cầu độc lập của bà H1 dù bà H1 đã chấp hành nộp đủ tiền án phí như nội dung *Thông báo* số 83/2018/TB-TA ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2019 mặc dù bà H1 vẫn luôn trình bày yêu cầu độc lập của Bà là yêu cầu Tòa án hủy 02 Hợp đồng tín dụng và 10 Hợp đồng thế chấp, yêu cầu Vietinbank trả lại bà H1 (vì bà H1 là vợ ông S) $\frac{1}{2}$ số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp là 7.370.184.887 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ *Thông báo* số 13/TB-TLYCĐL ngày 18/12/2018 cho rằng chỉ thụ lý yêu cầu độc lập của bà H1 yêu cầu trả $\frac{1}{2}$ trong tổng số tiền 14.740.369.774 đồng mà Ngân hàng C đã thu được từ việc bán tài sản chung của bà H1 và ông S, còn các yêu cầu khác bà H1 chưa nộp tạm ứng án phí nên tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khi bà H1 khởi kiện cũng là không đúng.

[4] Mặt khác, ngay cả khi bà H1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (được chính quyền địa phương xác nhận) không nộp đủ tiền tạm ứng án phí nhưng đây là vụ án đã trải qua nhiều vòng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm chứ không phải là vụ án thụ lý xét xử lần đầu và trong khi bà H1 đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí theo *Thông báo* số 83/2018/TB-TA ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (còn nội dung *Thông báo* số 13/TB-TLYCĐL ngày 18/12/2018 chỉ ghi yêu cầu độc lập của bà H1 là “*yêu cầu Ngân hàng TMCP C phải trả lại 50% (7.370.184.887 đồng) trong tổng số tiền 14.740.369.774 đồng mà Ngân hàng đã thu được từ việc bán tài sản chung của bà H1 và ông S*” là lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm chứ không phải lỗi của bà H1) và Tòa án có quyền buộc bà H1 nếu chưa nộp đủ thì phải nộp đủ án phí trong phần quyết định của bản án sơ thẩm; vì các lẽ này mà việc Tòa án cấp sơ thẩm tách các yêu cầu còn lại của bà H1 để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác là áp dụng pháp luật tố tụng “*máy móc*” và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1. Hơn nữa, việc tách vụ án sẽ làm cho việc giải quyết vụ án bị tách không có tính gắn kết với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án này, đã được Quyết định giám đốc thẩm số 15/2015/GDT-KDTM ngày 11/12/2015 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án phúc thẩm số 15/2017/KDTM-PT ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận định.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết toàn bộ nội dung có tranh chấp trong vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay mặc dù là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ ba (lần thứ nhất ngày 07/01/2020, lần thứ hai ngày 26/02/2020) nhưng Công ty TNHH P hoặc ông Lê Phước S không có mặt nên cấp phúc thẩm không thể giải quyết ngay toàn bộ nội dung vụ án theo yêu cầu khởi kiện độc lập của bà H1 vì như vậy sẽ làm mất quyền kháng cáo của các đương sự, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cần hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại vụ án để đánh giá tính hợp pháp đối với toàn bộ nội dung vụ án theo yêu cầu khởi kiện độc lập của bà H1 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận lại hồ sơ vụ án, nếu Vietinbank vẫn giữ nguyên nội dung Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện ngày 30/11/2018 thì Tòa án cấp sơ thẩm cần khoản 4 Điều 217, khoản 2 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và hướng dẫn tại tiêu mục 6 mục II Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C; thay đổi địa vị tố tụng để xác định bà Nguyễn Thị Ngọc H1 là nguyên đơn, Ngân hàng C là bị đơn, Công ty TNHH P, ông Lê Phước S và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xác định lại quan hệ tranh chấp để giải quyết sơ thẩm vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên bà H1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003715 ngày 10/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (kèm hồ sơ vụ án để giải quyết lại sơ thẩm);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân